

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HÈ TIẾNG ANH LỚP 4

Bài 1: Chuyển các câu sau sang thể phủ định hoặc nghi vấn:

1. It is a pen.
2. Nam and Ba are fine.
3. They are twenty.
4. I am Thu.
5. We are eighteen.
6. She is Lan.

Bài 2: Sắp xếp các câu sau thành câu có nghĩa:

1. name/ your/ what/ is?
2. am/ Lan/ I.
3. Phong/ is/ this?
4. today/ how/ you/ are?
5. thank/ are/ you/ fine/,/ we.
6. is/ Lan/ Hoa/ and/ am/ this/ I.
7. Ann/ am/ hello/ I.
8. this/ Mai/ her/ is/ name/ is/ my/ mom.
9. eighteen/ they/ old/ years/ are.
10. not/ he/ is/ today/ fine.

Bài 3: Mỗi câu có một lỗi sai, tìm và sửa lại:

1. How old you are?
2. I'm fiveteen years old.
3. My name are Linh.
4. We am fine, thank you.
5. I'm Hanh and I am is fine.
6. I'm fine, thanks you.
7. She is eleven year old.
8. Nam are fine.
9. I am Thanh, and This Phong is.
10. Hoa and Mai is eleven.

Bài 4: Chia động từ trong ngoặc cho phù hợp thì.

This (be) my friend, Lan .

She (be) nice?

They (not be) students.
 He (be) fine today.
 My brother (not be) a doctor.
 You (be) Nga? Yes, I (be)
 The children (be) in their class now.
 They (be) workers? No, They (not be)
 Her name (be) Linh.
 How you (be)? – We (be) fine, thanks.

Bài 5: Dùng từ gợi ý sau để viết thành câu hoàn chỉnh.

1. morning/ I/ Tam/ this/ Lan
2. Hi/I /Hai/ this/ Van.
3. afternoon/ name/ Hung/ this/ Hoang.
4. Hello/ Long/ I/ Hoa/this/ Nam/ and/ this/ Nga
5. How/ you/ ? – I/ fine/ thanks.
6. morning/Miss Ha/name/ Ba/ this/ Phong.
7. after noon/ children/ name/ Nguyen Van An/ How/ you/ ?
8. afternoon/ teacher/ we/ fine/ thanks.
9. Hi/ Bao/ how/ you/ ?/
10. Hello/ Luong/ this/ Lan, my friend/ she/ a new student/ my class.

Bài 6: Viết các số sau bằng tiếng Anh

1 = one, 2 , 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20

Bài 7. Dịch các câu sau sang tiếng Anh

1. Chào các cậu. Hôm nay các cậu có khỏe không?
2. Chúng mình khỏe, cảm ơn bạn. Thế còn bạn thì sao?
3. Mình vẫn khỏe. Cảm ơn các cậu.
4. Chào chị. Tên em là Hoa. Em năm nay 12 tuổi.
5. Con chào bố mẹ. Bố mẹ có khỏe không ạ?
6. Em chào anh. Đây là Nga. Cô ấy là bạn của em. Cô ấy học lớp 6.
7. Tôi là Phong còn đây là Linh.

Bài 8. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. Miss. Nhung (ride)..... her bike to work
2. You (wait)..... for your teacher?
3. I (play)..... video games and my sister (watch)TV

4. She (not)..... travel to the hospital by bus but she (drive).....
5. We (sit)in the living room
6. What the farmers (do).....?
- They (unload).....the vegetables.
7. Where he (fly).....? – to Ho Chi Minh City
8. I (eat).....my breakfast at a food store
9. My father (listen)..... to the radio now.
10. Where is your mother? - She (have) dinner in the kitchen.
11. Mr. Nam (not work) at the moment.
12. The students (not, be)in class at present.
13. The children (play)..... in the park at the moment.
14. Look! Thebus (come)
15. What you (do).....at this time Nam?
- I often (read) a book.

KIỂM TRA KIẾN THỨC
SAU HÈ - LỚP 4
TEST

I. Choose the correct answer A, B, C or D.

1. Come and _____ badminton, George!
A. do B. play C. make D. take
2. Mary and Kate _____ coming to class today.
A. isn't B. don't C. aren't D. doesn't
3. Children _____ play football in the street.
A. can't B. have to C. don't have D. are to
4. Mrs. and Mr. Pike _____ dinner at the moment.
A. is having B. are having
C. B & D are correct D. are eating
5. Rebecca is English but she isn't _____ England. She comes to Vietnam _____ Thailand.
A. from – in B. from – for C. for – from D. from – from
6. Choose a word which has different part of pronunciation:
A. want B. game C. same D. name
7. It's usually _____ in the winter.

- A. cool B. cold C. hot D. snow
8. I'm cleaning the floor. Can you help _____?
- A. I B. me C. my D. you
9. Everyone in the class _____ these exercises.
- A. have to do B. has to do C. has to D. has do
10. Where _____ you usually _____ in the evening?
- A. do – go B. are – go C. are – going D. do- going

II. Choose the word that has underlined part different from the other

1. A. pink B. mirror C. skirt D. thick
2. A. police B. soup C. sofa D. no
3. A. badminonton B. lamp C. banlnket D. snake
4. A, salad B. plate C. cake D. day
5. A. eraser B. tennis C. eleven D. English

Your answers:

1.....	2.....	3.....	4.....	5.....
--------	--------	--------	--------	--------

III. Matching (1-10) with (a-j).

1. cow 2. elephants 3. waste basket 4. green gift 5. pig
6. red bed 7. mouse 8. yellow car 9. kangaroos 10. blue spoon

- a. con chuột b. quà màu xanh lá c. xe ô tô màu vàng d. bò sữa
- e. con lợn f. cái giường màu đỏ g. thú túi h. sọt rác i. con voi
- j. muông màu xanh nước biển

Your answers:

1. 2. 3. 4. 5.
- 6..... 7..... 8..... 9..... 10.....

IV. Reorder the words to make sentences

1. a busy/ after/ I am/ very tired/ working week.

.....

- 2. a holiday/ for/ going on/ three weeks./ I'm
.....
- 3. are waiting/ outside the door./ Their children/ them for
.....
- 4. Which/ after/ "I" ?/ letter/ comes
.....
- 5. held/ a day/ yesterday. / Nam's school / sports
.....
- 6. like/ have/ to/ a dog./ I'd
.....
- 7. is/ the boy/ Who/ that photo ?/ in
.....
- 8. some milk/ Can/ ,please ?/ I have/ in my coffee
.....
- 9. Did/ the party ?/ they invite/ to/ you
.....
- 10. no/ tonight. / in the sky/ There are/ stars
.....

V. Circle the correct answer.

- 1. These are **our/ ours** bags.
- 2. This is **Bob's/ Bob** train.
- 3. There aren't **some/ any** plates on the table.
- 4. Is there **some/ any** cola left?
- 5. **My/ Mine** brother is tall and handsome.
- 6. That is **your/ yours** bike.
- 7. He's got five **boxs/ boxes**.
- 8. There **is/ are** two men in the garden

KEY

I. Choose the correct answer A, B, C or D.

1. B 2. C 3. A 4. C 5. D
 6. A 7. B 8. B 9. B 10. A

II. Choose the word that has underlined part different from the other

1. C 2. B 3. D 4. A 5. B

III. Matching (1-10) with (a-j).

1. d 2. i 3. h 4. b 5. e
 6. f 7. a 8. c 9. g 10. j

IV. Reorder the words to make sentences.

1. I am very tired after a busy working week.
2. I'm going on a holiday for three weeks.
3. Their children are waiting for them outside the door.
4. Which letter comes after "I"?
5. Nam's school held sports a day yesterday.
6. I'd like to have a dog.
7. Who is the boy in that photo?
8. Can I have some milk in my coffee, please?
9. Did they invite you to the party?
10. There are no stars in the sky tonight.

V. Circle the correct answer.

- our 2. Bob's 3. any 4. any 5. My 6. your